

Tiểu văn hóa đô thị: Khái niệm và lý thuyết

Urban subculture: Concept and theory

Lâm Thị Ánh Quyên^{1*}

¹Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: quyen.lta@ou.edu.vn

THÔNG TIN

DOI:10.46223/HCMCOUJS.
soci.vi.15.1.594.2020

Ngày nhận: 26/04/2020

Ngày nhận lại: 18/05/2020

Duyệt đăng: 07/07/2020

Từ khóa:

đô thị, tiểu văn hóa, tính đô thị

TÓM TẮT

Không có định nghĩa thống nhất về “tiểu văn hóa”. Tuy nhiên, đa số học giả đều nhất trí tiểu văn hóa là những nhóm người với những mối quan tâm chung và thực hành chung. Các tiểu văn hóa có những mức độ khác nhau so với văn hóa chủ đạo.

Nghiên cứu về tiểu văn hóa đô thị tập trung vào 3 lối tiếp cận/lý thuyết chính: lối tiếp cận sinh thái học của Trường phái Chicago về những “khu vực tự nhiên/natural areas”; lý thuyết thành phần/nhấn mạnh các yếu tố như giai cấp, nghề nghiệp, họ tộc, dân tộc...; “Lý thuyết tiểu văn hóa về tính đô thị” của Claude Fischer nhấn mạnh môi trường đô thị thúc đẩy sự cố kết, sự sáng tạo thể hiện ở các tiểu văn hóa nhờ khối lượng tới hạn.

ABSTRACT

There is no unified definition of subculture. However, most scholars agree that subcultures are groups of people that have something in common with common interests and common practices. The subcultures have different levels compared to the mainstream culture.

The study of urban subculture focuses on three main theories: the ecological approach of Chicago School about “natural area”; the Compositional Theory which emphasizes factors such as class, occupation, clan, ethnicity, etc; the Subcultural Theory of Urbanism by Claude Fischer with an emphasis on the urban environment that promotes cohesion and creativity in subcultures thanks to the critical mass.

Keywords:

urban, subculture, urbanism

1. Dẫn nhập

Văn hóa là tổng hợp tri thức, giá trị, chuẩn mực và lối sống được con người tiếp thu qua học hỏi. Trong một nền văn hóa chủ đạo, có nhiều tiểu văn hóa tồn tại, ví dụ tiểu văn hóa nghề nghiệp, tiểu văn hóa tiêu dùng, tiểu văn hóa nghiện, tiểu văn hóa Internet hay tiểu văn hóa tội phạm công nghệ cao... Đa số các tiểu văn hóa được hình thành ở đô thị, bởi vì đô thị với số

lượng người đông, mật độ dày đặc và cư dân khác biệt nhau về mặt xã hội (Wirth, 1938) là những điều kiện tạo nên sự đa dạng của xã hội đô thị, trong đó có sự đa dạng các tiểu văn hóa.

Tác giả sẽ điềm lại các định nghĩa về tiểu văn hóa, lịch sử nghiên cứu các tiểu văn hóa dưới lối tiếp cận xã hội học và trình bày ba lối tiếp cận/lý thuyết giải thích hiện tượng đa dạng các tiểu văn hóa ở đô thị: lối tiếp cận sinh thái học của Trường phái Chicago; lý thuyết thành phần của Herbert Gans và tập trung vào lý thuyết tiểu văn hóa về tính đô thị của Claude Fischer.

2. Tiểu văn hóa: Khái niệm và khái quát lịch sử nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Khái niệm “tiểu văn hóa/Subculture” bắt nguồn từ tiếng Latinh. Nói đến nghiên cứu tiểu văn hóa, đặc biệt ở đô thị, phải kể đến các nghiên cứu của các Nhà Nhân học văn hóa và Xã hội học tại Mỹ trong những năm 1920-1960 thuộc Trường phái Chicago.

Milton Gordon (Trường phái Chicago), năm 1947, định nghĩa tiểu văn hóa/Sub-culture là sự phân chia/Sub-division trong văn hóa quốc gia. Khái niệm tiểu văn hóa cho phép chúng ta sử dụng khi cần đề cập đến những phân khúc dân cư bằng cách xác định những hệ thống tổ chức xã hội đóng hoặc tương đối gắn kết, dựa trên sự khác biệt cơ cấu (giai cấp, dân tộc, chủng tộc, liên kết tôn giáo) ... tạo nên chức năng hội nhập cho các cá nhân (Berzano & Genova, 2015).

Arnold (as cited in Vascovics, 1989) đề cập 3 mô hình về tiểu văn hóa, trong đó mô hình thứ ba được ủng hộ nhiều nhất. Tiểu văn hóa có những giá trị, chuẩn mực, khuôn mẫu hành động mang tính phổ quát đối với tất cả các thành viên của một xã hội; một vài giá trị và chuẩn mực khác biệt nhưng vẫn được xem là phù hợp. Nhưng có những chuẩn mực và giá trị trong một xã hội chỉ có ý nghĩa đối với một số nhóm nhất định. Có những tiểu văn hóa có rất ít những thành tố của văn hóa chủ đạo; và có những tiểu văn hóa hầu như ít có sự khác biệt với văn hóa chủ đạo. Như vậy, giữa 2 cực này có rất nhiều biến thể tiểu văn hóa. Theo Bell (as cited in Vascovics, 1989) thanh niên có tiểu văn hóa của riêng mình, mang trong mình những thành tố quan trọng trong lĩnh vực giáo dục và kinh tế của văn hóa chủ đạo, nhưng trong lĩnh vực thời gian nhàn rỗi lại có những biểu tượng văn hóa riêng (trang phục, âm nhạc, ngôn ngữ).

Hartfiel và Hilmann (1982) cho rằng tiểu văn hóa là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, biểu tượng và phương thức hành vi, được công nhận và chia sẻ (các thành viên có những đặc điểm tương đồng như giới tính, tuổi, nhóm nghề nghiệp hoặc tầng lớp xã hội). Hệ thống này nằm trong hệ thống của văn hóa chủ đạo, có một cuộc sống riêng và có thể có những vấn đề như hành vi lệch lạc, xung đột. Trong những xã hội đa dạng và nhiều khác biệt sẽ hình thành nhiều tiểu văn hóa hơn là những xã hội giản đơn. Tiểu văn hóa có những đặc điểm riêng để nhận dạng, đây mạnh sự đoàn kết của nhóm riêng, nhưng có nguy cơ hình thành xung đột giữa các nhóm. Phân tích tiểu văn hóa có ý nghĩa đặc biệt trong phạm vi thiếu số bị xã hội phân biệt đối xử và cô lập.

Theo Hebdige (1979), tiểu văn hóa có thể nằm trong sự phát triển của văn hóa chủ đạo, có thể kháng cự lại văn hóa chủ đạo.

Theo Haenfler (2014), tiểu văn hóa có những đặc điểm sau: (1) Mạng lưới khuếch tán (Diffuse Networks); (2) Chia sẻ những ý nghĩa khác biệt (Shared Distinct Meanings); (3) Bản sắc được chia sẻ (Shared Identity); (4) Kháng cự (Resistance); (5) Ngoài lề (Marginalization); (6) Phân tầng, các giá trị và các từ ngữ đặc biệt.

Theo Vascovcics (1989), tiểu văn hóa chính là văn hóa thành phần, có thể lệch ra khỏi văn hóa chủ đạo/văn hóa quốc gia ở một số khía cạnh, ở một số khía cạnh khác trùng hợp. Tiểu văn hóa là một mô hình hành động của một nhóm xã hội hay một phạm trù xã hội (social category) (e.g., tuổi). Những chuẩn mực của tiểu văn hóa này khá xa lạ với các thành viên của xã hội nói chung. Đối với các nhóm xã hội hay nhóm theo phân loại xã hội, hành vi của họ bị điều khiển bởi các giá trị và chuẩn mực trong những lĩnh vực nhất định, những chuẩn mực và giá trị này chỉ có tính ràng buộc giữa các thành viên của nhóm, và như vậy, có thể công nhận sự hiện hữu của một tiểu văn hóa. Đây là mối quan hệ ngang giữa văn hóa chủ đạo và tiểu văn hóa. Đối với mối quan hệ dọc, văn hóa chủ đạo thể hiện cái “thông thường”, tiểu văn hóa thể hiện cái “lệch lạc”.

Giddens (as cited in Wuggenig, 2003) định nghĩa tiểu văn hóa là những phân khúc dân cư, được phân biệt qua khuôn mẫu văn hóa với xã hội tổng thể. Bên cạnh sự khác biệt theo hoàn cảnh giai cấp, dân tộc, thành phố và làng quê hoặc các vùng, Giddens còn nhắc đến các nhóm lối sống hay thế giới nghệ thuật- văn hóa cao hay văn hóa đại chúng.

Các tiểu văn hóa có những cấp độ khác nhau về tổ chức tập thể và sự gắn kết (e.g., các băng đảng được tổ chức chặt chẽ, còn các mạng lưới theo trào lưu văn hóa đại chúng lỏng lẻo hơn) (Wuggenig, 2003).

Tiểu văn hóa-Văn hóa đối kháng

Nếu các giá trị, chuẩn mực, lối sống... của các thành viên một tiểu văn hóa khác biệt đáng kể với đa số trong xã hội, Giddens (as cited in Wuggenig, 2003) gọi là tiểu văn hóa lệch lạc hoặc không phù hợp (nonconformal). Khi các nhóm với những giá trị và chuẩn mực chủ đạo của nhóm từ chối văn hóa chủ đạo là văn hóa đối kháng/Counterculture. Ví dụ, liên quan đến thẩm mỹ, Yinger (as cited in Wuggenig 2003) đề cập đến nghệ thuật avant-garde (trong những năm 1960 và 1970). Và âm nhạc có tiềm năng tạo nên văn hóa đối kháng. Trong các nghiên cứu tiểu văn hóa ở Anh, ý nghĩa tiêu dùng âm nhạc được nhấn mạnh. Storey (as cited in Wuggenig, 2003) cho rằng âm nhạc là một công cụ đặc biệt quan trọng để giúp hình thành bản sắc và đánh dấu sự khác biệt với những người khác. Âm nhạc tạo nên ý nghĩa cho một cộng đồng thực hoặc tượng tượng/ảo, được tạo lập nên qua hành động tiêu dùng.

Tóm lại: Không có định nghĩa thống nhất về tiểu văn hóa. Tuy nhiên, đa số học giả đều nhất trí rằng tiểu văn hóa là những nhóm xã hội được tổ chức với những mối quan tâm chung và thực hành chung (Gelder & Thornton, 1997)¹. Nhưng cũng có những tiểu văn hóa có mạng lưới khuếch tán.

¹ Tiểu văn hóa có phải là một cộng đồng? (Cộng đồng: dân số, lãnh thổ). Tiểu văn hóa có thể phi lãnh thổ, sự lựa chọn cá nhân. Tiểu văn hóa (Subculture) khác với “Cộng đồng” (Community) - là những cư dân gắn kết mang tính hàng xóm và gia đình là thiết chế chủ đạo. Tiểu văn hóa thường được nghiên cứu dưới góc độ tách biệt khỏi kết nối gia đình (Gelder & Thornton, 1997) Brewer and Gardner (as cited in Haenfler, 2014) cho rằng cần phân biệt giữa các nhóm xã hội vốn phát triển từ nền tảng liên kết chung (*common bonds*) (attachment to other group members) và các tiểu văn hóa bao gồm những người chia sẻ một bản sắc chung (*common identity*).

Tiểu văn hóa là văn hóa bộ phận, với những thiết chế, giá trị, chuẩn mực, nhu cầu, phương thức hành vi và biểu tượng khác (distinct) với văn hóa chủ đạo, các thành viên của tiểu văn hóa này khác với tiểu văn hóa khác theo hoàn cảnh giai cấp, tuổi, nghề nghiệp hoặc nguồn gốc xuất thân. Các tiểu văn hóa có những lệch chuẩn so với văn hóa chủ đạo nhưng tùy theo cường độ biểu hiện, vì vậy, có thể hay không được xã hội chấp nhận.

2.2. Lịch sử nghiên cứu

Có thể phân ra 3 giai đoạn nghiên cứu về tiểu văn hóa (Berzano & Genova, 2015; Gelder & Thornton, 1997; Wuggenig, 2003).

(1) Giai đoạn 1: 1920-1960, Trường phái Chicago: Tiểu văn hóa- lệch lạc.

Trường phái Chicago (hay còn được gọi là Trường phái sinh thái học) sử dụng tiểu văn hóa lệch lạc, nhấn mạnh vào lối tiếp cận dân tộc học và thực nghiệm, tập trung vào người nhập cư, người Mỹ gốc Phi và tầng lớp lao động, đặc biệt là các nhóm thanh niên lệch lạc.

Trường phái Chicago nghiên cứu các tiểu văn hóa lệch lạc ở đô thị- hình thành tại những khu vực nhất định - đó là do sự thất bại về mặt thiết chế để xã hội hóa một vài khu vực dân cư về những chuẩn mực và giá trị chung. Và như vậy các tiểu văn hóa hình thành một thế giới xã hội khác biệt (distinct) về cách thức hành động, nói năng, suy nghĩ..., có khái niệm riêng về những gì có ý nghĩa trong cuộc sống và lược đồ riêng. Lệch lạc là kết quả của các vấn đề xã hội và môi trường hơn là nhân cách cá nhân, do thiếu cơ hội lựa chọn, hoặc rối loạn tâm lý, liên quan đến những nhóm đứng ngoài dòng chảy của xã hội.

(2) Giai đoạn 2: Những năm 1970-1980, Trường phái Birmingham (The Birmingham School): Tiểu văn hóa-kháng cự, xung đột.

Lý thuyết của Trường phái Birmingham mang tính chính trị, phân tích các tiểu văn hóa thanh niên (thông qua nghi thức/ritual) như là phản ứng/sự kháng cự biểu tượng (symbolic resistance) đối với áp bức giai cấp, phát triển trong khung qui chiếu tân macxit (neomarxism) và các nghiên cứu của Trường phái Chicago và bị ảnh hưởng nhiều bởi Howard Becker với “Người ngoài”/ “Outsiders” (1963), Erving Goffman, Durkheim về “Phi chuẩn mực”/anomie, Trường phái Frankfurt về xã hội đại chúng và lý thuyết cấu trúc chính trị Pháp (French structuralist political theory).

Trung tâm nghiên cứu văn hóa đương đại/Centre for Contemporary Cultural Studies (CCCS) (thuộc trường đại học Birmingham/University of Birmingham) (được thành lập năm 1964 bởi Richard Hoggart và đóng cửa năm 2002), hoạt động hiệu quả từ giữa những năm 1970-1980 đã định nghĩa lại tiểu văn hóa trong mối quan hệ với giai cấp, dân tộc và giới, với mục tiêu giải thích sự xuất hiện của các tiểu văn hóa thanh niên với kiểu lối và âm nhạc như Teddy boys, Mods, Skinheads, và Rockers trong thời kỳ hậu chiến tranh Thế giới II ở Anh. Và từ thời điểm này (những năm 1970), tiểu văn hóa được nghiên cứu dưới các lối tiếp cận lịch sử xã hội, nhân học, văn học, văn hóa và truyền thông.

CCSS nhìn nhận các tiểu văn hóa dựa trên nền tảng giai cấp, vì đa số các tiểu văn hóa thuộc về nam thanh niên da trắng, tầng lớp thấp, kháng cự lại những giá trị văn hóa chủ đạo và cơ cấu giai cấp, với mong muốn đạt được mức sống cao hơn. Sự kháng cự này thể hiện rõ trong

lối và nghi thức của các thành viên (Haenfler, 2014). Tuy nhiên, CCSS cho rằng sự kháng cự này ít đem lại biến đổi thực sự. Họ quá nhấn mạnh đến sự kháng cự, giai cấp và kiểu lối.

(3) Giai đoạn 3 từ những năm 1980: nghiên cứu tiểu văn hóa chịu ảnh hưởng tiếp tục bởi Trường phái Birmingham, nhưng có những phản ứng khác nhau của các học giả về các công trình nghiên cứu của Birmingham (e.g., tại sao chỉ tập trung vào tiểu văn hóa và phản kháng), thậm chí có học giả quay trở lại với Trường phái Chicago (Gelder & Thornton, 1997). Nghiên cứu tiểu văn hóa tập trung vào sự khác biệt (Berzano & Genova, 2015).

Giữa ba giai đoạn này, các nhà nghiên cứu sử dụng hoặc là các lối tiếp cận xã hội học/nhân học (với phương pháp quan sát tham dự, nghiên cứu tổ chức và tương tác) và lối tiếp cận văn hóa - ký hiệu học (các hình thức văn hóa như trang phục, biểu tượng và ý nghĩa) (Gelder & Thornton, 1997). Hiện nay, đã có những nghiên cứu hậu tiểu văn hóa/Post-Subcultural Studies với hội nghị khoa học đầu tiên được tổ chức tại Vienna 11-12/5/2001.

3. Tiểu văn hóa và đô thị

Bàn về tiểu văn hóa và đô thị, chúng ta tiếp tục nhắc đến Trường phái Chicago với lối tiếp cận sinh thái học, lý thuyết thành phần với Herbert Gans và tập trung vào lý thuyết tiểu văn hóa về tính đô thị của Claude Fischer.

3.1. Trường phái Chicago với Lối tiếp cận sinh thái (Ecological Approach): “Các khu vực tự nhiên”/ “Natural Areas”

Robert E. Park (1864-1944) và Ernest W. Burgess (1886-1966), Trường phái Chicago, trong những năm 1920, đã phát triển Chương trình nghiên cứu đô thị trong Khoa Xã hội học tại trường đại học Chicago (Robert Park là người sáng lập Trung tâm nghiên cứu đô thị đầu tiên tại Mỹ). Bài viết “*The City: Suggestions for the Study of Human Nature in the Urban Environment*” năm 1915 của Robert Park đóng vai trò quan trọng đối với các nghiên cứu về tiểu văn hóa sau này.

Park và Burgess đưa ra lý thuyết sinh thái học đô thị: đô thị là môi trường giống môi trường tự nhiên, bị quản lý bởi nhiều lực. Các mối quan hệ xã hội chịu sự chi phối bởi bốn nguyên tắc: hợp tác, cạnh tranh, thích ứng và đồng hóa. Lực thúc đẩy quan trọng nhất chính là cạnh tranh. Cạnh tranh để giành lấy những nguồn lực hiếm hoi ở đô thị, đặc biệt là đất đai, dẫn đến cạnh tranh giữa các nhóm và cuối cùng dẫn đến sự phân chia không gian đô thị thành “những khu vực tự nhiên”/ “natural areas”, ở đó con người chia sẻ những đặc điểm xã hội giống nhau bởi vì họ là đối tượng của cùng sức ép sinh thái. “Tự nhiên”/ “Natural” bởi vì chúng được hình thành do sự thích nghi giữa môi trường và cư dân vốn là kết quả của cuộc cạnh tranh “tự nhiên”. “Natural areas” là những tiểu cộng đồng- thúc đẩy tự do ở đô thị cũng như phi tổ chức ở đô thị. Thành phố là tấm khảm của những cộng đồng nhỏ, nhiều trong số đó khác biệt nhau. Mỗi thành phố đều có khu trung tâm thương mại, khu ngoại vi, nhưng cũng có khu ổ chuột, khu người da đen/the ghettos, khu người nhập cư, khu phố xa xỉ, những khu vực có văn hóa ít nhiều khác lạ... là những khu vực có sự đồng nhất văn hóa.

Thành phố tăng trưởng bằng sự mở rộng, nhưng thành phố mang đặc điểm của sự chọn lựa và phân tách của cư dân, mỗi cá nhân tìm cho mình một nơi chốn mà họ có thể hoặc buộc

phải sống (Park, Burgess & McKenzie, 1925)². Khu vực tự nhiên hình thành bởi vì chúng cho phép cư dân thỏa mãn những nhu cầu của mình và giải quyết các vấn đề. Có những khu vực với những đặc điểm nhất định để hấp dẫn và phát triển những loại nhân cách nhất định, và tiếp tục khu biệt hóa (Park, Burgess & McKenzie, 1925). Mỗi khu vực tự nhiên có truyền thống riêng, tập quán, qui ước riêng, có thể có ngôn ngữ riêng.

Wirth (1928) trong “The Ghetto” cũng có quan điểm tương tự: Mỗi một khu vực trong thành phố đều mang lại chức năng (là ranh giới tự nhiên, kiến trúc, giao thông, khuôn mẫu văn hóa) và mỗi cư dân sẽ tìm kiếm khu vực nào phù hợp với họ (tương đồng với nguồn lực kinh tế) để thỏa mãn nhu cầu của họ. Một mặt, cư dân có thể lựa chọn để hội tụ tại một khu vực nhất định trong thành phố để theo đuổi thực hành văn hóa; mặt khác, tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ từ những người giống họ; hoặc tránh sự phân tán.

Harvey Zorbaugh (as cited in Lin & Mele, 2005) cũng mô tả thành phố là một hiện tượng tự nhiên. Các “natural areas” là sản phẩm phi qui hoạch, có xu hướng là những khu vực văn hóa khác biệt, mỗi khu vực bao gồm phức hợp các thiết chế, tập quán, niềm tin, truyền thống, thái độ, tình cảm và mối quan tâm. Chúng có thể là biểu hiện khác biệt về chủng tộc/dân tộc, có thể ốc đảo, và khu nhà trọ cho thuê. Đôi khi, “natural areas” và khu phố có nghĩa tương đồng; cũng có thể khu phố là tiểu đơn vị của “natural areas”. Theo Zorbaugh, thị trường nhà đất đã sàng lọc cư dân vào những khu vực- tạo nên tách biệt văn hóa. “Natural areas” hình thành thông qua sự trùng khớp ngẫu nhiên của ranh giới vật lý và lực văn hóa.

Tóm lại: Những tiểu văn hóa hình thành trong những khu vực tự nhiên/natural areas là kết quả của trạng thái gần gũi sinh thái của các cá nhân với những đặc điểm tương đồng về văn hóa xã hội và tách biệt với những khu vực khác. Không gian đô thị sẽ được phân chia thành những khu vực mà cư dân khu vực này khác biệt với cư dân khu vực khác theo thị hiếu, mối quan tâm, tính cách.

3.2. Lý thuyết thành phần: Herbert Gans và tâm khảm đô thị/urban mosaic

Trong những năm 1960 và 1970, các nghiên cứu cộng đồng chỉ ra mâu thuẫn trong giả thuyết về phi tổ chức xã hội của những nghiên cứu thuộc Trường phái Chicago và đề cao những mối quan hệ sơ cấp quan trọng, khỏe mạnh và đời sống cộng đồng tích cực trong những khu phố ở đô thị.

Đặc biệt, nghiên cứu của Herbert Gans và Oscar Lewis hay còn gọi là Lý thuyết thành phần đô thị (Compositional Theory of Urbanism). Các khu vực ở thành phố tạo nên “tấm khảm của thế giới xã hội”/ “mosaic of social worlds”. Thế giới xã hội là những nhóm xã hội dựa trên họ tộc, dân tộc, hàng xóm, nghề nghiệp... Nghiên cứu của Gans (1962) về những dân làng đô thị/Urban Villagers- những người Mỹ gốc Ý trong khu ổ chuột/slum ở Boston cho thấy đời sống trong cộng đồng của giai cấp lao động được tổ chức khá chặt chẽ.

² Tác phẩm “The City” (1925) của Robert Park, Ernest Burgess và McKenzie thường bị đặt tựa đề sai theo tên tác phẩm “*The City: Suggestions for Investigation of Human Behavior in the Urban Environment*”, vốn là tác phẩm của Robert Park (1915). Trong “The City” (1925), bài viết của Park năm 1915 là Chương 1 (trang 1-46). Và tên McKenzie có khi được đưa vào, có khi không.

Và thành phố cũng là một tấm khảm của nhiều lối sống³, chỉ có một vài loại lối sống giống với “người thế giới”/ “cosmopolitan” được mô tả bởi Louis Wirth⁴. Gans giúp chúng ta hiểu về sự phức hợp của đời sống đô thị. Tất nhiên, một số ít lối sống chỉ có ở thành phố và yếu tố quyết định lối sống là những đặc điểm giai cấp hơn là chỉ thành phố tự nó. “Người thế giới” sống như họ sống bởi vì họ giàu có và trình độ giáo dục cao. Đời sống của người ngoài lề phản ánh nghèo đói, thiếu kỹ năng và đào tạo và nạn phân biệt chủng tộc.

3.3. Lý thuyết tiểu văn hóa của Claude Fischer

3.3.1. Định nghĩa “đô thị”, “tiểu văn hóa” và tóm tắt lý thuyết

“**Đô thị/urban**” được định nghĩa theo sự tập trung dân số - số lượng người được tập hợp tại một nơi định cư càng nhiều thì nơi đó càng “đô thị/urban” (Fischer, 1975). Để xác định một “thành phố”/ “city” cần xác định theo bốn định nghĩa về nhân khẩu (thành phố là một nơi có dân số tương đối lớn), thiết chế, văn hóa và hành vi.

“**Tiểu văn hóa**” “là một tập hợp lớn những người có chung một đặc điểm xác định, liên kết với nhau, tuân theo một bộ giá trị riêng biệt, chia sẻ một bộ công cụ văn hóa và có chung cách sống”. Các thành phố kích thích tính độc đáo. Tập trung dân cư tạo ra sự đa dạng tiểu văn hóa (Fischer, 1995).

Fischer (1975) chấp nhận một số qui tắc của Lý thuyết quyết định luận/*Determinist theory* của Louis Wirth, đề cập đến tác động của qui mô, mật độ và sự không đồng nhất. Fischer không coi trọng những hệ quả tiêu cực mà lý thuyết phi chuẩn mực/anomie của Durkheim đưa ra về tội phạm, sức khỏe tâm thần và các vấn đề xã hội ở các đô thị lớn. Fischer đồng ý với Wirth: thành phố và con người thành phố có những điểm khác biệt, đặc biệt các tiểu văn hóa mà Fischer gọi đó là lý thuyết phân hệ/tiểu văn hóa về tính đô thị (subcultural theory of urbanism), và khác với Wirth, Fischer nhấn mạnh môi trường đô thị thúc đẩy sự cô kết, và chúng không phải là những thành tố tiêu cực tạo ra tha hóa, phi tổ chức hoặc phi cá nhân, không phá hủy mối quan hệ nhóm. Trong thành phố, những người với những mối quan tâm-giá trị, hành vi giống nhau hoặc thậm chí bất thường giống nhau- tìm kiếm nhau để gặp gỡ. Khi họ cùng nhau tạo nên độ lớn và mật độ, họ đã tạo ra một đại chúng, hấp dẫn những người có

³ Có sự khác biệt giữa “Tiểu văn hóa” và “Lối sống”? Hiện nay vẫn còn nhiều tranh cãi. Tumin (as cited in Lüdtker, 1989) nhấn mạnh 3 yếu tố giống nhau giữa Tiểu văn hóa và Lối sống: (1) Chỉ báo về tiêu chuẩn đánh giá; (2) Sự tương thưởng hay là kết quả của bất bình đẳng (thu nhập, giáo dục); (3) Đòi hỏi về sự đánh giá giá trị và biểu tượng để chỉ ra khoảng cách thông qua bề ngoài hoặc tiêu dùng.

Theo Berzano và Genova (2015), nghiên cứu lối sống với cách tiếp cận rộng, tìm hiểu các nhân tố tác động đến sự hình thành các phân khúc dân cư. Nghiên cứu Tiểu văn hóa với cách tiếp cận hẹp, giải thích và phân tích sự tồn tại của các nhóm trong dòng chảy của văn hóa chủ đạo.

⁴ Lý thuyết của Wirth được xem là thuyết Quyết định luận. Wirth (1938) định nghĩa đô thị và nhấn mạnh 3 yếu tố đặc trưng: Đô thị là nơi định cư tương đối lớn (qui mô dân số), mật độ dày đặc của những con người khác biệt nhau về xã hội và văn hóa. Ba yếu tố này tạo nên tính đô thị/urbanism. Tính đô thị/Urbanism là kiểu mẫu đời sống, lối sống- tương đồng với tầng trưởng của thành phố. Ở đô thị, những quan hệ sơ cấp được thay thế bởi những quan hệ thứ cấp, những mối quan hệ họ hàng bị suy yếu, sự xuống cấp ý nghĩa xã hội về gia đình, sự biến mất quan hệ hàng xóm và những cơ sở truyền thống về đoàn kết xã hội bị hủy hoại. Tuy nhiên, đô thị lại là trung tâm của tự do và vị tha, ngôi nhà của sự phát triển, của phát minh, của khoa học, của tính duy lý. Cư dân đô thị khoan dung đối với sự khác biệt giữa các cá nhân. Vì họ khác nhau và vì thế có ích cho lẫn nhau, hơn là bởi vì họ tương đồng với nhau và suy nghĩ giống nhau.

khuyh hướng giống nhau: e.g., đó là cộng đồng giải trí/entertainment community ở Hollywood, những người yêu thích nhạc đồng quê ở Nashville, cộng đồng đồng tính nam ở Philadelphia (Mỹ). Những địa điểm như vậy hiếm khi tồn tại ở những khu vực nông thôn (bởi vì họ đã di chuyển đến thành phố để được lợi từ khối lượng tới hạn (critical mass)⁵. Và đây chính là các tiểu văn hóa. Sự hình thành các tiểu văn hóa lại tiếp tục khuyến khích sáng tạo thêm các tiểu văn hóa mới thông qua sự va chạm, tương tác giữa những cư dân khác biệt nhau và các cộng đồng không đồng nhất. Tức là qui mô và mật độ sẽ khuyến khích sự không đồng nhất. (Tương tự, Robert Park (as cited in Fischer, 1975) đã dùng khái niệm: thành phố hiện đại là tấm khảm của các thế giới đời sống/a mosaic of social worlds). Thành phố càng lớn, thì càng có nhiều tiềm năng sản sinh ra những cộng đồng tiểu văn hóa/subcultural communities. Khi các thành phố vừa không đồng nhất, vừa nhiều người hơn những địa điểm khác, các tiểu văn hóa này sẽ phát triển hơn và với cường độ cao hơn. Những tiếp xúc giữa các tiểu văn hóa sẽ dẫn đến tác động lẫn nhau thông qua khuếch tán văn hóa - e.g., hip hop và nhạc rap đã vượt ra khỏi văn hóa của người da đen đô thị và trở thành văn hóa đô thị chủ đạo. Khi những thành tố của tiểu văn hóa không điển hình thâm nhập vào xã hội đô thị, thành phố phát triển một cách khác biệt trong so sánh với những thành phố khác.

Fischer (1995) không đồng ý với Lý thuyết thành phần/*Compositional theory* của Oscar Lewis và Herbert Gans - nhấn mạnh các đặc điểm về văn hóa, dân số (tuổi tác, dân tộc, vòng đời) và giai cấp của thị dân. Những lối sống đô thị khác nhau được hình thành không ngẫu nhiên, mà những nhóm lối sống đó - dân tộc thiểu số, nghệ sĩ ... - chọn để sống ở thành phố, và kết quả là, lối sống của họ mang đặc trưng thành phố. Liên quan đến lĩnh vực của niềm tin và hành vi, cư dân đô thị thường khác biệt đáng kể so với cư dân ở những nơi không phải là thành phố. So với cư dân nông thôn, họ thường cư xử theo kiểu tách rời khỏi quy tắc trung tâm và truyền thống của xã hội tổng thể. Một số hành vi mà người đô thị dễ được xã hội chấp nhận (e.g., đổi mới nghệ thuật). Fischer (1975, 1995) sử dụng thuật ngữ “độc đáo” để chỉ những dạng hành vi và niềm tin khác biệt này. Có mối quan hệ giữa cư dân đô thị và tính không theo qui ước/tính độc đáo, vốn xuất hiện trong nhiều nền văn hóa, trong các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Lý thuyết tiểu văn hóa của Fischer ít liên quan đến bản sắc chính trị mà khá rộng, đề cập đến các nhóm - khác biệt cũng như lệch lạc, tội phạm, nghệ thuật, bohemians, các giáo phái tôn giáo mới, hippies, công nhân xây dựng...

Trong “*Hướng đến lý thuyết tiểu văn hóa về tính đô thị*”/ “*Toward a Subcultural Theory of Urbanism*” (1975), Fischer đưa ra 7 mệnh đề (position). 1995, Fischer phát biểu lại trong 4 mệnh đề:

⁵ Fischer (1975, 1995) sử dụng khái niệm khối lượng tới hạn/critical mass (nghĩa là độ lớn và mật độ của cư dân đô thị cần phải đạt tới con số cần thiết để duy trì) nhằm nói đến điều kiện để hình thành tiểu văn hóa khi có đủ số lượng người với những mối quan tâm giống nhau nhưng khác lạ. Dân số của một tiểu văn hóa càng lớn, "sự hoàn thiện về thể chế" của nó càng lớn (Breton as cited in Fischer, 1975). Theo cơ chế thị trường, khi đạt đến kích thước nhất định sẽ cho phép hình thành một tiểu hệ thống xã hội và khuyến khích các thiết chế với cấu trúc, bao bọc, bảo vệ và nuôi dưỡng tiểu văn hóa. Những thiết chế này (e.g., phong cách ăn mặc, báo chí, hiệp hội) thiết lập các nguồn thẩm quyền và các điểm tập hợp và phân định ranh giới xã hội. Bên cạnh các con số, chúng còn khuyến khích và làm thành có thể những liên kết xã hội trong nhóm. Ví dụ các tiểu cộng đồng tội phạm, tiểu cộng đồng nghệ thuật, tiểu văn hóa sinh viên, nhóm những người “độc thân trẻ tuổi” ... (Fischer, 1975)

Mệnh đề 1: Các địa điểm càng lớn càng phát triển nhiều tiểu văn hóa chuyên biệt hơn các địa điểm ít dân cư, và như vậy sẽ có nhiều sự không đồng nhất về văn hóa, bởi vì có 2 quá trình: (a) Các địa điểm lớn cuốn hút nhiều người nhập cư từ những vùng sâu - xa, họ mang theo văn hóa của họ; (b) Các địa điểm này có sự khác biệt thông qua chuyên môn hóa kinh tế, không gian, thiết chế và văn hóa.

Mệnh đề 2: Các địa điểm càng có đông dân cư sẽ phát triển không chỉ các tiểu văn hóa khác biệt mà các tiểu văn hóa có cường độ mạnh hơn các địa điểm ít dân cư. Có 2 lý do: (a) Địa điểm càng lớn càng có xu hướng có những tiểu văn hóa lớn, kết quả là dễ dàng có các thiết chế, ngăn cản những ảnh hưởng từ bên ngoài và phát triển mạng lưới xã hội giữa các thành viên. Kích cỡ đặc biệt quan trọng để đạt được khối lượng tới hạn; (b) Bởi vì các thành phố tương đối khác biệt, cư dân sẽ chạm trán nhiều hơn với các thành viên của các tiểu văn hóa khác so với ở nông thôn. Những cuộc chạm trán như vậy thường dẫn đến căng thẳng và xung đột, kết quả là củng cố ranh giới nhóm.

Mệnh đề 3: Trong cùng thời gian, các tiếp xúc giữa các nhóm dẫn đến tác động lẫn nhau. Khi các nhóm lớn hơn tác động đến nhóm nhỏ hơn (e.g., các giá trị gia đình Anglo truyền tải đến thanh niên nhập cư người Việt Nam), tính không theo qui ước/độc đáo giảm xuống. Khi các tiểu văn hóa nhỏ hơn tác động cái lớn hơn (e.g., các tư tưởng của bohemian lan truyền đến tầng lớp trung lưu), tính không theo qui ước/độc đáo sẽ tăng trưởng- cho đến khi cái khác thường tự nó trở thành chuẩn mực.

Mệnh đề 4: Địa điểm càng đô thị, tỷ lệ không theo qui ước càng cao trong mối quan hệ với xã hội lớn, bởi vì: (a) Các địa điểm càng lớn càng khuyến khích nhiều tiểu văn hóa khác biệt và chuyên biệt; (b) Khối lượng tới hạn và tiếp xúc liên nhóm thường xuyên hơn ở những địa điểm lớn, nơi sản sinh ra các tiểu văn hóa cường độ mạnh, đặc biệt đối với những cư dân không điển hình (atypical); (c) Tiếp xúc liên nhóm càng rộng ở những địa điểm lớn sẽ khuếch tán các thành tố văn hóa của tiểu văn hóa không điển hình đến những tiểu văn hóa khác trong khu vực.

Nói chung, tính đô thị có tương quan với tính không theo qui ước/độc đáo, một phần, bởi vì nó kích thích sự phát triển của các tiểu văn hóa.

3.3.2. Kiểm nghiệm lý thuyết

Trong bài luận 20 năm sau để đánh giá lại lý thuyết tiểu văn hóa về tính đô thị, Fischer chỉ ra sự mơ hồ trong các định nghĩa. Ví dụ, làm thế nào để một nhà nghiên cứu xác định một tiểu văn hóa hoặc thậm chí xác định khi nào một tiểu văn hóa xuất hiện? Làm thế nào một tiểu văn hóa phải đạt được khối lượng tới hạn?... Fischer đặt ra những vấn đề khó khăn để kiểm nghiệm lý thuyết tiểu văn hóa về tính đô thị về đối tượng nghiên cứu, cấp độ nghiên cứu, tiếp cận tiểu văn hóa và bối cảnh lịch sử và văn hóa (Fischer, 1995).

3.3.3. Kết luận của Fischer

Tính đô thị và sự không đồng nhất tiểu văn hóa: Xét về mặt trung bình, các thành phố đa dạng hơn những địa điểm nhỏ. Càng đông dân, tỷ lệ dân tộc thiểu số và chủng tộc càng lớn. Các thành phố có xu hướng có sự khác biệt lớn về các nhóm nghề nghiệp, cấu trúc giai cấp

và một loạt các nhóm có mối quan tâm đặc biệt được tổ chức xung quanh các hoạt động như sở thích (Fischer, 1995).

Tính đô thị và cường độ tiểu văn hóa/Subcultural Intensity: Cần chỉ ra được sự liên kết giữa tính đô thị với cấp độ mà các nhóm tập trung trong thành phố, nghĩa là cấp độ mà tính đô thị và sự không đồng nhất tương quan với nhau; cần quan tâm đến cường độ của các tiểu văn hóa, không phải cấp độ trung bình của sự tham gia của các cá nhân, mặt dù hai yếu tố này liên quan đến nhau (Fischer, 1995).

Tiểu văn hóa dân tộc: Không giống như các tiểu văn hóa đô thị hình thành từ nghề nghiệp, lối sống, các tiểu văn hóa dân tộc thường hình thành từ cơ sở nông thôn. Nhân tố chìa khóa thúc đẩy đoàn kết dân tộc chính là sự tập trung nhóm, không phải tính đô thị. Môi trường đô thị vừa thúc đẩy vừa làm suy yếu văn hóa dân tộc, phụ thuộc vào các nhân tố chủ chốt (Fischer, 1995). Đối với các nhóm dân tộc nhỏ, kết hôn và đạo đức quan trọng hơn ngôn ngữ hoặc trang phục. Thành phố nuôi dưỡng các tiểu văn hóa mới - cạnh tranh với văn hóa dân tộc. Một vài thành tố văn hóa khuếch tán từ đa số đến thiểu số sẽ làm suy yếu văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, đa số các nghiên cứu không khảo sát sự thiết chế hóa mà khảo sát sự cam kết của các cá nhân đối với nhóm dân tộc - cấp độ phân tích sai. Theo Fischer (1995), lý thuyết tiểu văn hóa bàn về các địa điểm, không phải về con người, nhưng phần lớn nghiên cứu thực nghiệm - của riêng Fischer cũng như của bất kỳ ai khác - là về các cá nhân, cách mọi người khác biệt nhau theo quy mô của địa điểm. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu thường đo lường các thuộc tính của các địa điểm được tổng hợp từ các thuộc tính của cư dân - e.g., đo lường sự độc đáo/không theo quy ước của địa phương bằng cách thu thập câu trả lời trung bình của cư dân đối với các câu hỏi khảo sát. Tuy nhiên, lý thuyết tiểu văn hóa, cốt lõi, là một lý thuyết sinh thái, không phải là lý thuyết về con người. Nghiên cứu về các nhóm dân tộc đưa ra những kết quả hỗn hợp và gây nhầm lẫn phụ thuộc vào cấp độ phân tích (địa điểm so với cá nhân) và chiều kích cụ thể của cường độ tiểu văn hóa (xã hội, tổ chức, ý thức hệ). Nói chung, tập trung dân số - tính đô thị - dường như duy trì các thiết chế dân tộc, nhưng không nhất thiết duy trì sự gắn bó dân tộc của các cá nhân.

Dân tộc và tôn giáo, nền tảng truyền thống cho sự liên kết là những trường hợp khó đối với lý thuyết tiểu văn hóa. Điều này được thừa nhận trong việc xây dựng lý thuyết, bởi vì những sự liên kết như vậy bị thách thức ở các thành phố bởi sự xuất hiện của tiểu văn hóa cách tân.

Tính đô thị và sự độc đáo: Ít có nghiên cứu hệ thống về lệch lạc phi tội phạm (noncriminal deviance) so với tội phạm. Dự đoán tốt nhất là các địa điểm đô thị thường là các địa điểm của sự độc đáo/không theo quy tắc.

Theo Fischer (1995), lý thuyết của Louis Wirth “Tính đô thị như một lối sống”/ “Urbanism as a Way of Life” và lý thuyết của Claude Fischer “Hướng đến một lý thuyết Tiểu văn hóa về tính đô thị”/ “Toward a Subcultural Theory of Urbanism” được xếp hạng ngang nhau trong nhiều sách giáo khoa. Tính đô thị có thể thúc đẩy sự hình thành của nhiều tiểu văn hóa đa dạng và khác biệt trong cộng đồng. Liệu tính đô thị có thúc đẩy các tiểu văn hóa mạnh hơn hay không vẫn chưa có bằng chứng chắc chắn. Lý thuyết tiểu văn hóa của ông có lẽ là lý thuyết triển vọng về tính đô thị, nhưng vẫn chưa là lý thuyết về tính đô thị (vì thế ông gọi là “Hướng đến một lý thuyết Tiểu văn hóa về tính đô thị”).

4. Kết luận

Truyền thông nghiên cứu tiểu văn hóa thường tập trung vào giao tiếp mặt đối mặt trong cùng không gian địa lý. Tuy vậy, giao tiếp qua truyền thông/mediated communication đã hội nhập khá lâu vào nghiên cứu tiểu văn hóa. Cohen (2011) nghiên cứu sự quyết định của việc loan tin của báo chí đến sự hình thành bản sắc và các hoạt động của Mods và Rockers trong những năm 1960 ở Anh. Ngày nay, bên cạnh lối tiếp cận truyền thống, các nghiên cứu đã tập trung vào các tiểu văn hóa thông qua truyền thông và ảo/Mediated and virtual subcultures. Ví dụ nghiên cứu về Geek của McArthur (2009) và nghiên cứu của Blevins và Holt (2009) về tiểu văn hóa trực tuyến/online lệch chuẩn.

Fischer (1995) đề nghị, đối với các nghiên cứu trong tương lai, để trả lời câu hỏi liệu lý thuyết này có hợp lý hơn các lý thuyết khác không, các nhà nghiên cứu phải cải tổ lý thuyết. Cần sử dụng các địa điểm làm đơn vị phân tích; trực tiếp đo lường các quá trình tiểu văn hóa, chẳng hạn như sự tập trung của nhóm, quyền tiếp cận, khối lượng tới hạn, sự liên kết giữa các nhóm và tự lựa chọn; kiểm tra một loạt các tiểu văn hóa (không chỉ các nhóm dân tộc) và một loạt các độc đáo (không chỉ tội phạm); và mở rộng các địa điểm nghiên cứu sang các quốc gia và thời đại khác. Mặc dù sự phát triển của công nghệ đã xóa bỏ khoảng cách không gian, nhưng Fischer khẳng định “những công nghệ này không phổ biến hay hiệu quả như chúng ta tưởng; bởi vì con người vẫn có nhu cầu gặp gỡ mặt đối mặt”.

Hiểu các tiểu văn hóa ở đô thị sẽ kết nối với môi quan tâm ngày càng tăng về đời sống văn hóa và sáng tạo của các thành phố. Chúng ta tiếp tục nghiên cứu các tiểu văn hóa để khám phá tại sao các tiểu văn hóa hình thành, các hoạt động của tiểu văn hóa có thể nói gì về xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Berzano, L., & Genova, C. (2015). *Lifestyle and subcultures*. New York, NY: Routledge.
- Blevins, K. R., & Holt, T. J. (2009). Examining the virtual subculture of Johns. *Journal of Contemporary Ethnography*, 38(5), 619-648. doi:10.1177/0891241609342239
- Cohen, S. (2011). *Folk devils and moral panics: The creation of the Mods and Rockers*. London, UK: Routledge.
- Fischer, C. (1975). Toward a subcultural theory of urbanism. *American Journal of Sociology*, 80(6), 1319-1341. doi:10.1086/225993
- Fischer, C. (1995). The subcultural theory of urbanism: A twentieth-year assessment. *American Journal of Sociology*, 101(3), 543-577. doi:10.1086/230753
- Gans, J. H. (1962). *The urban villagers: Group and class in the life of Italian-Americans*. New York, NY: Free Press.
- Gelder, K., & Thornton, S. (1997). *The subculture reader*. London, UK: Routledge.
- Haenfler, R. (2014). *Subcultures: The basics*. London, UK: Routledge.

- Hartfiel, G., & Hillmann, K.-H. (1982). Subkultur [Subculture]. In G. Endruweit, G. Trommsdorff, & N. Burzan, *Wörterbuch der soziologie [Dictionary of sociology]*. Stuttgart, Germany: völlig überarbeitete Auflage.
- Hebdige, D. (1979). *Subculture: The meaning of style*. New York, NY: Routledge.
- Lin, J., & Mele, C. (2005). *The urban sociology reader*. New York, NY: Routledge.
- Lüdtke, H. (1989). *Expressive ungleichheit [Expressive inequality]*. Opladen, Germany: Leske+Budrich.
- McArthur, J. A. (2009). Digital subculture: A geek meaning of style. *Journal of Communication Inquiry*, 33(1), 58-70. doi:10.1177/0196859908325676
- Park, R. E., Burgess, E. W., & McKenzie, R. D. (1925). *The city*. Chicago, US and London, UK: The University of Chicago Press.
- Schwendter, R. (1993). *Theorie der subkultur [Theory of subculture]*. Hamburg, Germany: Europäische Verlags Anstalt, Taschenbuch Nr. 210.
- Vascovics, L. A. (1989). Subkulturen-ein überholtes analytisches Konzept? [Sub-cultures - an outdated analytical concept?]. In M. Haller, N. Hoffmann, Hans-Joachim, W. Zapf, & Deutsche Gesellschaft für Soziologie (DGS) (Eds.), *Kultur und gesellschaft: Verhandlungen des 24. Deutschen soziologentags, des 11. Österreichischen soziologentags und des 8. Kongresses der schweizerischen gesellschaft für soziologie in Zürich 1988 [Culture and society: Negotiations of the 24th German sociological conference, the 11th AustHrian sociological conference and the 8th congress of the Swiss society for sociology in Zurich in 1988]*. Frankfurt am Main, Germany: Campus Verl.
- Wirth, L. (1928). *The ghetho*. Chicago, IL: The University of Chicago Press.
- Wirth, L. (1938). Urbanism as a way of life. *The American Journal of Sociology*, 44(1), 1-24. doi:10.1086/217913
- Wuggenig, U. (2003). Subkultur [Subculture]. In H.-O. Hügel (Ed.), *Handbuch populäre kultur: Begriffe, theorien und diskussionen [Popular culture handbook: terms, theories, and discussions]*. Verlag, Germany: J.B. Metzle.